|  |
| --- |
| **Phiếu 3/VĐT-NCL** **TỔNG CỤC THỐNG KÊ**  **Mã đơn vị:** ***(Áp dụng cho chủ đầu tư là: đơn vị sự nghiệp công lập có đầu tư từ nguồn vốn tự có, vốn liên doanh, liên kết; đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; tổ chức xã hội;*** ***tổ chức xã hội - nghề nghiệp; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng)***- Nghĩa vụ cung cấp thông tin theo phiếu này đối với các đơn vị điều tra được quy định tại Điều 10, 13 và Điều 32 của Luật Thống kê.- Các thông tin do Quý đơn vị cung cấp chỉ nhằm phục vụ công tác Thống kê và hoàn toàn được bảo mật theo Luật định.Thực hiện Quyết định số 1443/QĐ-BKHĐT ngày 13 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tổ chức điều tra Vốn đầu tư phát triển năm 2015.**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN** **VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2014** |

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên chủ đầu tư**: ………………………….………………………………………………

……………………………………………………………………………. ………………

**2. Địa chỉ:** *CQ Thống kê ghi*

Tỉnh/thành phố: …………………………………..……………………………………….

Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh: ……………………………………………….

Xã/phường/thị trấn: ……………………………………………………………

Thôn, ấp (số nhà, đường phố):…………………………………………..………………..

Số điện thoại liên hệ:………………………………...Số Fax:…………………………..

Email: ……………………………………………………………………………………..

**3. Loại hình của chủ đầu tư:**

*(Khoanh tròn vào mã số tương ứng câu trả lời phù hợp nhất)*

1. Đơn vị sự nghiệp công lập **🡪 Trả lời tiếp câu 4**

2. Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập

3. Tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp **🡪 Chuyển xuống phần II**

4. Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng

**4. Tên đơn vị chủ quản cấp trên của chủ đầu tư:** ………………………… *CQ Thống kê ghi*

…………………………………………………………………………………………..…..

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2014**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| **Tên chỉ tiêu** | **Mã số** | **Thực hiện** **năm 2014** |
| --- | --- | --- |
| **A** | **B** | **1** |
| **Tổng số** (01=02+05+08+14+17=20+26+27+28) | **01** |  |
| **A. Chia theo nguồn vốn** |  |  |
| ***1. Ngân sách Nhà nước*** *(02=03+04)* | ***02*** |  |
| - Ngân sách Trung ương | 03 |  |
| - Ngân sách địa phương | 04 |  |
| ***2. Tín dụng đầu tư phát triển*** *(05=06+07)* | ***05*** |  |
| - Vốn trong nước | 06 |  |
| - Vốn nước ngoài (ODA) | 07 |  |
| ***3. Vốn vay*** (08=09+10+11+12+13) | ***08*** |  |
| - Vay ngân hàng trong nước | 09 |  |
| - Vay các tổ chức, cá nhân khác ở trong nước | 10 |  |
| - Vay ngân hàng nước ngoài | 11 |  |
| - Vay tổ chức, cá nhân khác ở nước ngoài | 12 |  |
| - Vay công ty mẹ, công ty anh (em) | 13 |  |
| ***4. Vốn tự có*** (14=15+16) | ***14*** |  |
| - Bên Việt Nam | 15 |  |
| - Bên nước ngoài | 16 |  |
| ***5. Vốn huy động từ các nguồn khác*** | ***17*** |  |
| **B. Chia theo khoản mục đầu tư** |  |  |
| *Trong đó: + Máy móc, thiết bị đã qua sử dụng trong nước* | *18* |  |
| *+ Chi phí đào tạo công nhân KT và cán bộ quản lý SX* | *19* |  |
| ***1. Xây dựng cơ bản*** (20=21+22+23) | ***20*** |  |
| Chia ra: - Xây dựng và lắp đặt | 21 |  |
|  - Máy móc, thiết bị | 22 |  |
|  - Vốn đầu tư xây dựng cơ bản khác | 23 |  |
| *Trong đó*: *+ Chi đền bù, giải phóng mặt bằng* | 24 |  |
| *+ Tiền thuê đất hoặc mua quyền SD đất* | *25* |  |
| ***2. Mua sắm TSCĐ dùng cho SX không qua XDCB*** | ***26*** |  |
| ***3. Sửa chữa, nâng cấp TSCĐ*** | ***27*** |  |
| ***4. Đầu tư khác*** | ***28*** |  |
| **C. Chia theo mục đích đầu tư** | **Mã ngành***(CQ TKê* *ghi )* |  |
| Mục đích 1: |  |  |
| Mục đích 2: |  |  |
| Mục đích 3: |  |  |
| Mục đích 4: |  |  |
| Mục đích 5: |  |  |
| Mục đích 6: |  |  |
| **D. Chia theo tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương** | **Mã tỉnh,TP***(CQ TKê* *ghi )* |  |
| Tỉnh/TP: |  |  |
| Tỉnh/TP: |  |  |
| Tỉnh/TP: |  |  |
| Tỉnh/TP: |  |  |
| Tỉnh/TP: |  |  |
| Tỉnh/TP: |  |  |
| Tỉnh/TP: |  |  |
| Tỉnh/TP: |  |  |

**III. Công trình hoàn thành và năng lực mới tăng trong năm 2014**

*(Áp dụng cho các công trình/hạng mục công trình xây dựng hoàn thành trong năm 2014)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên công trình** | **Mã công trình***(CQ Thống kê ghi theo mã danh mục năng lực mới tăng)* | **Địa điểm xây dựng** | **Năm khởi công** | **Năng lực mới tăng** | **Tổng vốn đầu tư thực hiện cho công trình***(Triệu đồng)* | **Giá trị TSCĐ mới tăng của công trình hoàn thành***(Triệu đồng)* |
| **Tên tỉnh/TP** | **Mã tỉnh/TP***(CQ Thống kê ghi)* | **Đơn vị tính** | **Số lượng** |
| **A** | **B** | **C** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điều tra viên**- Họ và tên: ………………………………………- Điện thoại: ……………….…………………….- Ký tên:……………………………................... |  | *…, Ngày … tháng … năm …***Chủ đầu tư***(Ký, đóng dấu, họ tên)* |